

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 593/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* **Anh Trần Hải Đ**, sinh năm 1975.

* **Chị Mã Yến X**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Hải Đ và chị Mã Yến X kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, năm 2018 mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân. Cả anh Đ và chị X cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh Đ và chị X thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trần Mã Vân L, sinh ngày 18/01/2006 và Trần Mỹ N, sinh ngày 24/9/2013. Anh chị thống nhất, sau khi ly hôn anh Đ tiếp tục nuôi con là Vân L, chị X nuôi con là Mỹ N phù hợp với nguyện vọng của 02 con, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: anh chị cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Yến X tự nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hải Đ và chị Mã Yến X thuận tình ly hôn.

* Về con chung: anh Đ được quyền tiếp tục nuôi con là Trần Mã Vân L, sinh ngày 18/01/2006, chị X được quyền tiếp tục nuôi con Trần Mỹ N, sinh ngày 24/9/2013. Ghi nhận việc hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: anh chị cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) **chị X tự nguyện nộp** và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) **đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010714 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị X đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trương Thị Tiến